

Người coi thi thứ nhất (Ghi rõ họ tên)	Người coi thi thứ hai (Ghi rõ họ tên)
.....

Họ và tên thí sinh:

Ngày sinh:

Nơi sinh:

Trường THCS:

Phòng thi:..... Số báo danh:.....

Số phách

Điểm bài thi		Người chấm thi thứ nhất (Ký, ghi rõ họ tên)	Người chấm thi thứ hai (Ký, ghi rõ họ tên)	Số phách
Bảng số	Bảng chữ			
.....

Đề chính thức

Môn: Tiếng Anh

Thời gian: **150 phút** (không kể thời gian giao đề)

Đề thi gồm 04 trang, thí sinh làm bài trực tiếp vào đề thi

a. Ngữ âm

I. Tìm một từ mà phần gạch chân có cách đọc khác với các từ còn lại (0,5 điểm)

- | | | | |
|---------------------|------------------|------------------|-------------------|
| 1. A. <u>dead</u> | B. <u>bread</u> | C. <u>thread</u> | D. <u>bead</u> |
| 2. A. <u>myth</u> | B. <u>with</u> | C. <u>both</u> | D. <u>tenth</u> |
| 3. A. <u>cough</u> | B. <u>enough</u> | C. <u>though</u> | D. <u>rough</u> |
| 4. A. <u>prefer</u> | B. <u>better</u> | C. <u>worker</u> | D. <u>teacher</u> |
| 5. A. <u>needed</u> | B. <u>naked</u> | C. <u>sacred</u> | D. <u>walked</u> |

1. 2. 3. 4. 5.

II. Tìm một từ có vị trí trọng âm chính khác với các từ còn lại (0,5 điểm)

- | | | | |
|---------------|--------------|-------------|--------------|
| 6. A. balcony | B. accident | C. mechanic | D. survey |
| 7. A. result | B. imaginary | C. annoyed | D. politics |
| 8. A. admire | B. honor | C. title | D. difficult |
| 9. A. general | B. opinion | C. abroad | D. surprise |
| 10. A. decay | B. purpose | C. however | D. invention |

6. 7. 8. 9. 10.

B. từ vựng – ngữ pháp

III. Chọn đáp án thích hợp nhất (A, B, C hoặc D) để hoàn thành các câu sau (1,0 điểm)

11. She remembered the gas before going out.
A. turn on B. turning on C. turn off D. turning off
12. We think that Mother's Day should be celebrated.....
A. nationwide B. national C. nation D. native
13. difficult the problem is, he will try to solve it.
A. However B. Whatever C. How D. What
14. Do you know a shop I can buy sweets and newspapers?
A. that B. which C. where D. if
15. My mother is one of the women who money.
A. enjoys to spend B. enjoys spending C. enjoy spending D. enjoy to spend
16. Their exports are just ours.
A. similar B. like C. as D. same

Thí sinh không làm bài vào phần gạch chéo này

17. You may put money in a small coin bank, a piggy bank at home to keep it safe.

A. as such B. such C. such as D. so

18. It is time you..... hard for the exam.

A. to revise B. revise C. revised D. revising

19. I live in Dalat, is one of the most beautiful cities of Vietnam.

A. who B. where C. which D. that

20. There was only one student in the classroom his lesson yesterday.

A. prepares B. to prepare C. was preparing D. preparing

11. 12. 13. 14. 15.

16. 17. 18. 19. 20.

IV. Cho dạng đúng của động từ trong ngoặc để hoàn thành lá thư sau (1,5 điểm)

Dear Linda,

I'm sorry I (21. **not write**) to you for so long, but I (22. **be**) very busy lately. All last month I (23. **have**) exams, and I (24. **not do**) anything else but study for ages. Anyway, I (25. **stop**) studying now, and I (26. **wait**) for my exam results.

As you can see from the letter, I (27. **change**) my address and (28. **live**) in Croydon now. I (29. **decide**) that I wanted a change from central London because it (30. **become**) so expensive. A friend of mine (31. **tell**) me about this flat, and I (32. **move**) here about two months ago. When you (33. **come**) to London this summer, please visit me. I (34. **stay**) here until the middle of August. Then I (35. **go**) on holiday to Scotland.

Please write soon

Margaret

21. 22. 23. 24. 25.

26. 27. 28. 29. 30.

31. 32. 33. 34. 35.

V. Điền vào chỗ trống bằng một giới từ thích hợp để hoàn thành các câu sau (1,0 điểm)

36. We both share a love music..

37. 3 o'clock, all the runners had arrived.

38. Robert has been married Deborah for over a year now.

39. Brenda decided to discuss her problems a psychiatrist.

40. The company blamed the drop in sales the economic situation.

41. This bread tastes fish!

42. Shall we go your car or mine?

43. Is it okay if I write pencil?

44. Why can't you look at the problem my point of view?

45. Jessica fell ill while she was a trip to Ireland.

36. 37. 38. 39. 40.
 41. 42. 43. 44. 45.

VI. Điền một mạo từ (a, an, the hoặc Ø) vào mỗi chỗ trống trong đoạn văn sau (1,0 điểm)

I came home from.....(46)..... school one day with a slight headache, and so I took two aspirins from a bottle in.....(47)..... medicine cupboard. They left....(48)..... curious taste in my mouth, and when my mother came home half.....(49)..... hour later I told her what I had done. She shrieked and ran to.....(50)..... telephone; I had taken some tablets that(51)..... doctor had prescribed for her stomach cramps, and she had been warned that it was dangerous to exceed.....(52)..... stated dosage- one tablet.....(53).....day. She had broken.....(54)..... bottle that morning, and transferred.....(55)..... tablets to an empty aspirin bottle.

46. 47. 48. 49. 50.
 51. 52. 53. 54. 55.

VII. Viết dạng đúng của các từ trong ngoặc để hoàn thành các câu sau (0,5 điểm)

56. The machine stopped working due to..... fault . (electricity)
 57. They had a quarrel after about who was responsible. (agree)
 58. Her parents her to apply for the job. (courage)
 59. I was late because I how much time I'd need. (estimate)
 60. He is very generous and everyone admired his (self)

56. 57. 58. 59. 60.

VIII. Mỗi câu dưới đây có một lỗi sai. Hãy tìm và gạch chân lỗi sai đó rồi sửa lại (0,5 điểm)

61. I found living in the country rather bored.
 62. A friend of him got married at the age of eighteen.
 63. Jane, would you like to have a toast with your coffee?
 64. Don't you wish you would have blue eyes?
 65. No sooner had he arrived home when the phone rang.

61. 62. 63.
 64. 65.

c. Đọc hiểu

IX. Chọn đáp án thích hợp nhất (A, B, C hoặc D) để điền vào mỗi chỗ trống trong đoạn văn sau. (1,0 điểm)
 the language of clothes

We don't only choose clothes to make us look.....(66)....., we also use them to tell the world(67)..... our personality. The clothes we wear and our appearance.....(68)..... a whole give other people useful information about what we think and.....(69)..... we feel. If we feel cheerful, we usually wear.....(70)..... clothes and if we feel.....(71)..... we sometimes put on dark clothes. But why do teenagers wear black so.....(72).....? Is it because they feel miserable all.....(73).....? This is unlikely the case. It is probably just because it is.....(74)..... to wear black, and young people they are real fans.....(75)..... fashion.

- | | | | |
|-----------------|---------------|-----------------|----------------|
| 66. A. attract | B. attractive | C. attractively | D. attraction |
| 67. A. of | B. with | C. by | D. about |
| 68. A. on | B. as | C. for | D. in |
| 69. A. which | B. what | C. how | D. when |
| 70. A. colorful | B. colors | C. colorfully | D. colorless |
| 71. A. depress | B. depressed | C. depressing | D. depression |
| 72. A. frequent | B. frequency | C. frequently | D. infrequency |
| 73. A. the time | B. the times | C. the week | D. the month |

74. A. fashion B. fashionable C. fashioner D. fashioned
 75. A. of B. in C. from D. with

66. 67. 68. 69. 70.
 71. 72. 73. 74. 75.

X. Tìm một từ thích hợp điền vào mỗi chỗ trống trong đoạn văn sau (1,0 điểm)

Laura, the woman.....(76)..... works in our office, wanted to phone Mr. Robinson, but she dialed the.....(77)..... number. The number she.....(78)..... turned out to be the number of a public call box in the street. A man,(79)..... was passing(80)..... the time, heard the phone.....(81)..... and answered it. “ Is that Mr. Robinson ?” Laura asked. “Speaking”, the man answered. It turned.....(82)..... that the man she was speaking.....(83)..... was actually.....(84)..... Robinson and had just happened to be passing the call box.....(85)..... she rang!

76. 77. 78. 79. 80.
 81. 82. 83. 84. 85.

D. Viết

XI. Dùng từ gợi ý để viết lại các câu dưới đây sao cho nghĩa không đổi so với câu cho trước (1,0 điểm)

86. It is thought that the Prime Minister is considering raising taxes.
 The Prime Minister
87. Mary told the police about the burglary.
 Mary reported
88. I didn't know you were coming, so I didn't wait for you.
 If
89. The bank lent him the money.
 He
90. The chairs and the tables have to be moved from this room.
 The furniture
91. She's very pleased to be going away on holiday soon.
 She's looking
92. I'm sure that someone forgot to lock the door.
 Someone
93. Someone has stolen her bike.
 She
94. If you changed your mind, you'd be welcome to join us.
 Were you
95. “ I didn't attack anybody!” said the accused.
 The accused denied

XII. Dùng từ gợi ý trong ngoặc để viết lại các câu dưới đây sao cho nghĩa không đổi so với câu cho trước (Lưu ý không được thay đổi hình thức của từ trong ngoặc) (0,5 điểm)

96. I always admire my teacher for his hard work. (look)

97. I said to the waiter : “ Could I have another coffee?” (bring)

98. Tim is out of work at the moment. (job)

99. This city seems very crowded. (people)

100. Can you tell me about guided tours of the city? (**information**)

.....
■ The end –